

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07/7/2020

V/v: tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Điệp

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Phạm Thị Ánh Tuyết

2/ Bà Nguyễn Thị Hồng Sen

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo – Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ không tham gia phiên tòa .

Ngày 07 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 35/2020/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020, về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Phan Thành V**, sinh năm 1987

Địa chỉ: số 30/3, ấp H, xã A, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị Ngọc N**, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Địa chỉ: số 30/3, ấp H, xã A, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 02 năm 2020 anh Phan Thành V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị N đến với nhau do người khác giới thiệu tìm hiểu một thời gian, sau đó cả hai quyết định tiến đến hôn nhân có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long An, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/01/2016. Sau khi kết hôn cả hai về nhà anh V sinh sống một thời gian mới lên Thành phố Hồ Chí Minh đi làm Công ty. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 8/ 2019 phát hiện vợ anh đi chơi với bạn bè sáng đêm mới về, anh V mới khuyên can không được, đến khoảng tháng 10/2019 chị N bỏ nhà ra đi, sau đó mẹ ruột kêu chị N về, đến mừng 3 tết chị N bỏ nhà ra đi cho đến nay, anh phát hiện chị N không chung thủy và anh không liên lạc được với chị N. Nay anh V thấy không còn tình cảm với chị N, nên

yêu cầu ly hôn với chị N.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Ngọc M, sinh ngày 19/12/ 2015 và Phan Ngọc V, sinh ngày 17/9/2017 hiện tại do anh đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục 02 nuôi con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã gửi thông báo thụ lý và thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ba lần cho chị Nguyễn Thị Ngọc N đến Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải chị N không đến, vì vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn anh Phan Thành V vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc N, vì vợ chồng chung sống không hạnh phúc, do chị N đi làm đêm về trễ anh có cự cãi vài tiếng, sau đó chị N bỏ nhà ra đi cho đến nay, anh có tìm kiếm nhưng không gặp chị N. Về con chung: có 02 con chung tên Phan Ngọc M, sinh ngày 19/12/ 2015 và Phan Ngọc V, sinh ngày 17/9/2017, hiện nay anh nuôi dưỡng, anh yêu cầu tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng hai con, anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và về nợ chung anh không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc N đã được Tòa án triệu tập lần ba chị N vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Chị Nguyễn Thị Ngọc N đã được Tòa án triệu tập họp lệ Nều lần đến Tòa án để mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, chị N không đến, hiện nay chị Nguyễn Thị Ngọc N còn đăng ký hộ khẩu thường trú ở ấp H, xã A, huyện H, tỉnh Vĩnh Long, từ khi chị N bỏ đi không thay đổi địa chỉ. Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 quy định “Trường hợp đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là” Đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú”. Trường hợp người bị kiện thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn, nên Tòa án tiến hành thông báo, niêm yết giải quyết vụ án ly hôn này theo quy định của pháp luật.

Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử đã lập thủ tục niêm yết triệu tập lần hai chị N đến Tòa án xét xử, chị N vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử thống nhất giải quyết vắng mặt chị Nguyễn Thị Ngọc N.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Thành V và chị Nguyễn Thị Ngọc N tiến đến hôn nhân trên cơ sở người khác giới thiệu, cả hai tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới, vợ chồng chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long An, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long và được Ủy ban nhân dân xã Long An, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/01/2016 nên đây là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét về mâu thuẫn, anh V cho rằng cả hai làm ở Thành phố Hồ Chí Minh, chị N thường đi chơi đêm về trễ, anh có cự cãi với chị N, từ đó chị N giận bỏ nhà ra đi từ cuối năm 2019 cho đến nay, anh có tìm kiếm nhưng không gặp chị N. Chị N vắng mặt phiên tòa. Xét hôn nhân giữa anh V và chị N đã mâu thuẫn trầm trọng, cả hai đã không còn sống chung, không còn thương yêu chăm sóc lẫn nhau, hôn nhân không đạt được. Vì vậy chấp nhận cho anh Phan Thành V được ly hôn chị Nguyễn Thị Ngọc N là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2.] Về nuôi con chung: Anh yêu cầu tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng hai cháu tên Phan Ngọc M, sinh ngày 19/12/ 2015 và Phan Ngọc V, sinh ngày 17/9/2017, từ khi chị N bỏ đi đến nay chị không về thăm hỏi gì đến hai cháu. Xét hiện nay 02 cháu đã sống ổn định với anh V, vì vậy chấp nhận giao 02 con cho anh V tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

Chị Nguyễn Thị Ngọc N có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản chị N thực hiện quyền này. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó được quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phan Thành V không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh V không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 35, 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Thành V

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Phan Thành V được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc N.

2/ Về con chung: Giao 02 cháu Phan Ngọc M, sinh ngày 19/12/ 2015 và Phan Ngọc V, sinh ngày 17/9/2017 cho anh Phan Thành V tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Thị Ngọc N có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản chị N thực hiện quyền này. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó được quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phan Thành V không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Về tài sản chung và nợ chung: Anh V không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5/ Về án phí: Buộc anh Phan Thành V phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005523 ngày 05/02/2020 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, anh V đã nộp xong, không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/ Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được thông báo, niêm yết tại nơi cư trú của người vắng mặt ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Long Hồ
- TAND tỉnh Vĩnh Long
- THADS huyện Long Hồ
- Các đương sự
- Lưu HSVA

Võ Thị Hồng Diệp

